|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN HÀ ĐÔNG**  **TRƯỜNG THCS** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **Năm học 2023 - 2024**  **Môn: Ngữ văn 6**  *(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

***Mã đề:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | **6.0** |
| **2** | **Tạo lập văn bản** | Bài văn tả cảnh sinh hoạt | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **4.0** |
| **Tổng** | | | ***2.0*** | ***1.0*** | ***2.0*** | ***1.0*** | ***0*** | ***2.0*** | ***0*** | ***2.0*** | **10.0** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **20%** | | **20%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN HÀ ĐÔNG**  **TRƯỜNG THCS**  ***Mã đề:*** | **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KT CUỐI HỌC KÌ II**  **Năm học 2023 - 2024**  **Môn: Ngữ văn 6**  *(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
|  |  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được thể loại và các yếu tố của thể loại.  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận biết được trạng ngữ.  - Nhận biết được các loại dấu câu  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Hiểu được ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh, sự việc … trong truyện.  - Nêu được đề tài, chủ đề của văn bản.  - Nêu được ý nghĩa, tác dụng của trạng ngữ.  - Nêu được công dụng của dấu câu  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - So sánh được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 4TN  0.5\*TL | 2TN  1\*TL | 1  1.0\*TL | 1 |
| **2** | **Tạo lập văn bản** | Bài văn tả cảnh sinh hoạt | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  **Viết được bài văn:**  Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là miêu tả, tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những thông tin về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |
| **Tổng** | | |  | **4TN**  **1\*TL** | **2TN**  **2\*TL** | **2\*TL** | **2\*TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **30** | **30** | **20** | **20** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN HÀ ĐÔNG**  **TRƯỜNG THCS**  **------------**  *(Đề thi gồm có 03 trang)*  Họ và tên: …………………………………. | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **Năm học 2023 - 2024**  **Môn: Ngữ văn 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút*  *(Không kể thời gian phát đề)*  Số báo danh:……………. ***Mã đề:*** |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

***Người bạn mới***

*Buổi học hôm nay có chuyện “hay” quá! Vừa về đến nhà Tú khoe ngay với mẹ:*

*- Mẹ ơi! Lớp con có một thằng…*

*Mẹ ngẩng lên:*

*- Sao lại thằng?*

*Tú vẫn hớn hở:*

*- Vâng! Một thằng mới vào học mẹ ạ! Buồn cười lắm!*

*Mẹ nhìn em:*

*- Buồn cười làm sao?*

*- Hí hí! Nó mặc áo con gái, mẹ ạ!*

*Mẹ hỏi:*

*- Áo con gái thế nào?*

*Tú vừa cười vừa kể rằng: Cái “thằng ấy” mới xin chuyển về, vào lớp 5C của con, nó mặc cái quần ngắn ơi là ngắn và cái áo sơ mi ở trong chiếc áo len thì lại cổ lá sen. Kiểu cổ áo của con gái. Thế có buồn cười không?*

*- Cái thằng ấy, mẹ ạ…*

*Mẹ lắc đầu:*

*- Sao con cứ gọi bạn là thằng thế nhỉ? Nói chuyện với mẹ, với bố, con không được gọi bạn là thằng nọ thằng kia. Bạn ấy tốt hay xấu mà con lại gọi thế?*

*Tú lúng túng:*

*- Con… con cũng chưa biết ạ!*

*- Không biết một tí gì hết?*

*Tú ngần ngừ, rồi thưa:*

*- Nó dát lắm mẹ ạ. Chúng con chế là mặc áo con gái, nó chỉ im lặng rồi đứng một mình thôi.*

*Nghe Tú nói, vẻ mặt mẹ vẫn không vui. Mẹ nhìn em có ý trách:*

*- Hết gọi bạn là thằng, rồi lại gọi là nó. Sao con không gọi hẳn tên bạn ra hoặc là: bạn ấy, bạn con được nhỉ? Tên bạn ấy là gì?*

*- Là Nam. Phó Văn Nam mẹ ạ. Buồn cười quá cơ!*

*- Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi sao Nam lại mặc áo con gái nhé!*

*Cậu Nam ấy, hóa ra là một học sinh giỏi. Ngay bài toán tập đầu tiên làm ở lớp mới, không cần phải hỏi bạn ngồi bên cạnh, không xem bài của ai, cậu ấy đã được hẳn mười điểm. Mà chữ viết nữa chứ, rất đẹp.*

*Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi. Đến cái ti vi, bố mẹ cậu ấy cũng không có tiền để mua. Nam phải chuyển trường đi theo bố mẹ, vì mãi đến bây giờ cơ quan mới chia nhà cho. Trước đây là đi ở nhờ. Bố mẹ Nam có hai con. Chị Nam là con gái, áo quần mặc chật từ lúc bé, có cái nào mẹ lại mặc cho Nam. Mặc ở nhà và mặc ở trong cũng được. Mẹ Nam bảo Nam là: Bộ mặc ở ngoài thì cần phải đúng là của con trai. Lớn hơn nữa, thì thôi. Giờ còn bé thì mặc tạm. Mẹ sẽ dành tiền may cho Nam. Thương mẹ vất vả, nên Nam đã vâng lời. Tú nghe bạn kể mà thương bạn. Mặc áo thừa của chị, mà vẫn học giỏi, lại biết thương mẹ, chứ không đua đòi, thấy ai có cái gì cũng muốn có theo.*

*Ngay hôm đó, về nhà Tú khoe:*

*- Mẹ ơi! Bạn Nam ấy, hay lắm mẹ ạ!*

*Mẹ hỏi:*

*- Hay làm sao?*

*- Bạn ấy là học sinh giỏi và … ngoan, mẹ ạ!*

*Mẹ nhìn em. Ánh mắt mẹ cười vui…*

(Phong Thu - *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng)

**Câu 1. Văn bản “*Người bạn mới*” thuộc thể loại truyện gì?**

A. Truyện đồng thoại C. Truyện truyền thuyết

B. Truyện ngắn D. Truyện cổ tích

**Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản “Người bạn mới”

A. Biểu cảm C. Tự sự

B. Nghị luận D. Miêu tả

**Câu 3. Văn bản “*Người bạn mới”* viết về đề tài gì?**

A. Thiên nhiên C. Gia đình

B. Thời tiết D. Bạn bè

**Câu 4. Trong văn bản, câu nào sau đây là lời nhân vật?**

A. Bạn ấy là học sinh giỏi và … ngoan, mẹ ạ!

B. Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi.

C. Tú nghe bạn kể mà thương bạn.

D. Ánh mắt mẹ cười vui…

**Câu 5. Trong văn bản “*Người bạn mới”,* người kể chuyện là ai?**

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện

**Câu 6. Văn bản *“Người bạn mới*” chủ yếu khắc họa nhân vật Tú ở phương diện nào?**

A. Hình dáng C. Hành động

B. Tâm trạng D. Ngôn ngữ

**Câu 7. Câu nào sau đây có trạng ngữ?**

A. Cậu Nam ấy, hóa ra là một học sinh giỏi.

B. Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi sao Nam lại mặc áo con gái nhé!

C. Chúng con chế là mặc áo con gái, nó chỉ im lặng rồi đứng một mình thôi.

D. Mẹ nhìn em.

**Câu 8: Nhân vật Nam hiện lên qua lời kể của Tú là một bạn học sinh như thế nào?**

A. Đáng ghét, khó gần, không chơi với các bạn trong lớp.

B. Con nhà nghèo, ngoan, học giỏi, biết thương mẹ.

C. Nhút nhát nhưng học giỏi.

D. Ngoan, nhút nhát, học giỏi.

**Câu 9 :**

**Viết khoảng 5 câu văn trình bày cảm nhận của em về nhân vật Tú trong văn bản *“Người bạn mới”*.**

**Câu 10:**

**Trong cuộc sống, khi bị bạn bè hiểu lầm, em sẽ ứng xử như thế?**

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Sau một ngày làm việc, học tập bận rộn, gia đình em lại quây quần, sum họp bên nhau. Hãy tả lại cảnh sum họp gia đình đầm ấm đó.

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG

**TRƯỜNG THCS**

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Năm học 2023 – 2024**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 6**

*(Thời gian làm bài:90 phút)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | 6,0 |
| **1** | **B** | *0,5* |
| **2** | **C** | *0,5* |
| **3** | **D** | *0,5* |
| **4** | **A** | *0,5* |
| **5** | **C** | *0,5* |
| **6** | **D** | *0,5* |
| **7** | **B** | *0,5* |
| **8** | **B** | *0,5* |
| **9** | - Hình thức: đảm bảo dung lượng (5 câu, +/- 1 câu)  *(quá ngắn hoặc quá dài: -0.25đ)*  - Nội dung: Học sinh nêu được những suy nghĩ chân thực, cảm xúc phù hợp và có cách đánh giá đúng đắn về lời nói, hành vi, thái độ của nhân vật Tú (*Gợi ý:* Lúc đầu, Tú tỏ vẻ coi thường, không thích, không tôn trọng Nam, thấy Nam buồn cười…. Sau đó, ca ngợi, cảm phục, ngưỡng mộ bạn, nhìn thấy bạn có nhiều điểm tốt…) | *1,0* |
| **10** | Học sinh nêu được ít nhất 2 biểu hiện cụ thể về cách ứng xử, phù hợp với hoàn cảnh, tâm lí lứa tuổi, văn hóa giao tiếp (Bình tĩnh, tìm hiểu sự việc, gặp bạn để trao đổi, sống tự tin, hòa đồng thuyết phục các bạn sẽ hiểu đúng về mình bằng lời nói và việc làm…) | *1,0* |
| **II** |  | **VIẾT** | *4,0* |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả*  Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | *0,25* |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt của gia đình em | *0,25* |
|  | *c. Tả cảnh sinh hoạt của gia đình em*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  ***MB:***  - Giới thiệu khung cảnh sinh hoạt được tả  -Thời gian, địa điểm  ***TB:***  - Tả cảnh sinh hoạt chung bằng cái nhìn bao quát  - Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần  - Tả sự thay đổi của sự vật, của bức tranh sinh hoạt trong thời gian, không gian.  ***KB:***  Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt | *2,5* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc | 0,5 |